

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 8

HK I - Năm học: 2022 – 2023

A. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

I. PHẦN VĂN BẢN

1. Thơ Việt Nam đầu thế kỉ XX

TT	Văn bản	Tác giả	Hoàn cảnh	Thể thơ	Nội dung	Ý nghĩa
1	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh (1872-1926)	1908, khi tác giả bị bắt và đày ra Côn Đảo.	Thất ngôn bát cú	Cảm nhận một hình tượng đẹp lắm liệt, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí.	Nhà tù của đế quốc thực dân không thể khuất phục ý chí, nghị lực và niềm tin lí tưởng của người chiến sĩ yêu nước.

TT	Văn bản	Tác giả	Thể loại	PTBD	Nội dung	Ý nghĩa văn bản
1	Cô bé bán diêm	An-đec-xen (1805-1875) Nhà văn Đan Mạch.	Truyện ngắn	Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm	Tác phẩm truyền cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh.	Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.
2	Chiếc lá cuối cùng	O Hen-ri (1862-1910) Nhà văn Mỹ.	Truyện ngắn	Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm	Truyện làm cho chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.	Là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật

TT	Văn bản	Đề tài	PTBD	Ý nghĩa
1	Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000	Bảo vệ môi trường	Nghị luận kết hợp với thuyết minh	Nhận thức về tác dụng của một hành động nhỏ, có tính khả thi trong việc bảo vệ môi trường Trái Đất.

2	Ôn dịch, thuốc lá (Nguyễn Khắc Viện)	Phòng chống thuốc lá	Nghị luận kết hợp với thuyết minh	Với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn chặn tệ nạn hút thuốc lá.
3	Bài toán dân số (Thái An)	Dân số	Nghị luận kết hợp tự sự, thuyết minh.	Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại.

II. PHÂN TIẾNG VIỆT:

Tên bài	Khái niệm/đặc điểm.	Tác dụng - Phân loại - Lưu ý - Ví dụ	
Trợ từ	- là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.	Lưu ý: Phân biệt trợ từ với từ loại khác phải dựa vào văn cảnh	- Chính anh ấy đã gây ra vụ tai nạn đó. (có trợ từ) - Chị Dậu là nhân vật chính trong tác phẩm <i>Tắt đèn</i> . (không có trợ từ)
Thán từ	- là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt.	- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: <i>a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi,</i> -Thán từ gọi đáp: <i>này, ơi, vâng, dạ,..</i>	- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu? (Thán từ bộc lộ cảm xúc) - Vâng! Ông giáo dạy phải! (Thán từ gọi đáp)
Tình thái từ	- là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.	- Tình thái từ nghi vấn: <i>à, ư, hả, hử,</i> - Tình thái từ câu khiến: <i>đi, nào, với</i> - Tình thái từ cảm thán: <i>thay, sao...</i> - Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: <i>a, nhé, cơ,..</i>	Lưu ý: Khi sử dụng tình thái từ phải phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm...) - Cần phân biệt tình thái từ với thán từ.

Nói quá	- là biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.	- Sử dụng trong ca dao, tục ngữ, thành ngữ, trong thơ văn châm biếm, hài hước và cả trong thơ văn trữ tình.	Lưu ý: phân biệt nói quá và nói khoác. <i>Cày đồng đang buổi ban trưa, Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.</i>
----------------	---	---	---

Nói giảm nói tránh	- là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự	Câu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!	
Câu ghép	Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành; Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu.	Cách nối các vế + Dùng từ nối: quan hệ từ, một cặp quan hệ từ, nối bằng cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ đi đôi với nhau. + Không dùng từ nối: giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.	Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép. + Quan hệ nguyên nhân + Quan hệ điều kiện giả thiết + Quan hệ tương phản + Quan hệ tăng tiến + Quan hệ lựa chọn + Quan hệ bổ sung + Quan hệ đồng thời + Quan hệ giải thích.

III. TẬP LÀM VĂN: Văn thuyết minh.

1. Dàn ý khái quát của bài văn thuyết minh

- a) Mở bài: Giới thiệu đối tượng thuyết minh.
- b) Thân bài:
 - Trình bày nguồn gốc xuất xứ của đối tượng thuyết minh
 - Trình bày đặc điểm, cấu tạo của đối tượng thuyết minh
 - Trình bày lợi ích, công dụng của đối tượng thuyết minh.
 - Trình bày cách chăm sóc, bảo quản của đối tượng thuyết minh.
- c) Kết bài: Bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

2. Một số đề bài tham khảo văn thuyết minh (HS xây dựng dàn ý cho các đề bài sau)

- Đề 1: Thuyết minh về một đồ dùng trong học tập (bút bi, bút chì, thước, com pa,...)
- Đề 2: Thuyết minh về một vật dụng trong gia đình (phích nước, bàn, ghế, ti vi,...)
- Đề 3: Thuyết minh loài cây, hoa, quả (hoa hồng, hoa mai,... quả dưa hấu, quả thơm,
- Đề 4: Thuyết minh về đồ dùng cá nhân (mắt kính, găng tay, khẩu trang...)

B. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

I. Đọc – hiểu (trắc nghiệm): 5,0 điểm

1. Văn bản:

1.1. Nội dung:

- Thơ Việt Nam đầu thế kỉ XX: Đập đá ở Côn Lôn
- Truyện ngắn nước ngoài: Cô bé bán diêm; Chiếc lá cuối cùng
- Văn bản nhật dụng: Thông tin về trái đất năm 2000; Ôn dịch, thuốc lá; Bài toán dân số.

1.2. Yêu cầu:

- Nhận biết được: tác giả, tác phẩm, phương thức biểu đạt, thể loại
- Hiểu được nội dung, ý nghĩa văn bản;
- Hiểu được ý nghĩa một số chi tiết, hình ảnh đặc sắc trong văn bản; ý nghĩa nhan đề;
- Hiểu được nét tương đồng giữa các văn bản.

2. Tiếng Việt:

2.1 Nội dung:

- Từ loại: trợ từ, thán từ, tình thái từ.
- Câu ghép.
- Biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh; nói quá.

2.2. Yêu cầu:

- Nhận diện và hiểu ý nghĩa của từ loại trong văn cảnh.
- Nhận diện và hiểu mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép trong văn cảnh.
- Nhận biết và hiểu được hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ trong văn cảnh.

II. Làm văn tự sự: 5,0 điểm

Văn thuyết minh về sự vật (đồ dùng gia đình, học tập, cây, hoa, quả).

C. LUYỆN TẬP: Thực hiện các đề bài sau

ĐỀ 1

I. Trắc nghiệm (5.0 điểm). Học sinh đọc kĩ các câu sau và chọn câu trả lời đúng nhất. Mỗi câu trả lời đúng (0.5 điểm)

1. Văn bản nào sau đây không thuộc kiểu văn bản nhật dụng:

- Tôi đi học
- Bài toán dân số
- Ôn dịch, thuốc lá
- Thông tin ngày Trái đất năm 2000.

2. Văn bản “Đập đá ở Côn Lôn” được viết theo thể loại nào?

- Thơ tự do
- Thơ bảy chữ
- Thơ lục bát

d. Thơ thất ngôn bát cú

3. Phương thức biểu đạt của văn bản “ Cô bé bán diêm” là:

- a. Tự sự kết hợp với nghị luận
- b. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.
- c. Tự sự kết hợp nghị luận, thuyết minh
- d. Miêu tả kết hợp biểu cảm, thuyết minh.

4. “Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh và lên án thái độ lạnh lùng, vô tâm đáng sợ của con người đối với số phận đó. ” là ý nghĩa của văn bản nào?

- a. Chiếc lá cuối cùng
- b. Trong lòng mẹ
- c. Cô bé bán diêm
- d. Lão Hạc.

5. “Là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật. ” là ý nghĩa của văn bản nào

- a. Chiếc lá cuối cùng
- b. Cô bé bán diêm
- c. Trong lòng mẹ
- d. Lão Hạc

6. Vì sao “Chiếc lá cuối cùng” được xem là kiệt tác của cụ Bơ-men.

- a. Vì chiếc lá được vẽ giống như thật.
- b. Vì chiếc lá vẽ bằng tấm lòng của cụ Bơ-men và đã hồi sinh Giôn Xi
- c. Vì chiếc lá vẽ trong một thời tiết khắc nghiệt.
- d. Cả a,b,c.

7. Câu nào dưới đây không sử dụng tình thái từ?

- a. Sao cô biết mẹ con có con?
- b. Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta đây hả?
- c. Tôi đã chẳng bảo ngài cẩn thận đấy ư?
- d. Những tên khổng lồ nào cơ?

8. Đoạn văn sau có sử dụng phép tu từ nào đã học “Bà cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu vụt bay lên cao, cao mãi, chẳng còn đôi rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về châu thượng đế.” (Cô bé bán diêm)?

- a. Nói quá
- b. Nói giảm nói tránh
- c. So sánh
- d. Ẩn dụ

9. Các vế của câu ghép sau có quan hệ ý nghĩa gì?

“Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh.”

- a. Đồng thời
- b. Lựa chọn
- c. Tương phản
- d. Nói tiếp

10. Đoạn văn sau có mấy câu ghép:

“Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt và lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, với que diêm đã tàn hắt trên tay. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng.” (Cô bé bán diêm)

- a. Một câu
- b. Hai câu
- c. Ba câu
- d. Bốn câu

II. Tự luận. (5.0 điểm)

Thuyết minh về một đồ dùng học tập (bút, thước, quyển vở, quyển sách giáo khoa,.....)

ĐỀ 2

I. Trắc nghiệm (5.0 điểm). Học sinh đọc kĩ các câu sau và chọn câu trả lời đúng nhất. Mỗi câu trả lời đúng (0.5 điểm)

Câu 1. Văn bản nào sau đây không thuộc kiểu văn bản nhật dụng?

- a. Chiếc lá cuối cùng
- b. Thông tin về ngày Trái đất năm 2000
- c. Ôn dịch , thuốc lá
- d. Bài toán dân số

Câu 2. Phương thức biểu đạt của văn bản “Chiếc lá cuối cùng” là:

- a. Tự sự kết hợp với nghị luận
- b. Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.
- c. Tự sự kết hợp nghị luận, thuyết minh
- d. Miêu tả kết hợp biểu cảm, thuyết minh.

Câu 3. “Ông sinh 1862 mất 1910 là nhà văn Mĩ, cây bút sở trường về truyện ngắn. Các truyện của ông luôn hướng về những con người nghèo khổ với tấm lòng thương xót và cảm thông bao la. Sau khi ông qua đời, năm 1918, Hội Nghệ thuật và Khoa học ở Mĩ đã lấy tên ông làm giải thưởng tặng những truyện ngắn hay nhất hàng năm.” Ông là nhà văn nào?

- a. Ô Hen-ri
- b. An-đec-xen
- c. Ai-ma-tốp
- d. Xéc-van-téc

Câu 4.

*“Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẫy làm cho lở núi non”?*

Hai câu thơ trên khắc họa:

- Tư thế ngạo nghễ của người tù khi ở Côn Lôn
- Sức mạnh phi thường của người chí sĩ yêu nước
- Chí khí vững bền qua gian khó
- Tinh thần lạc quan, dũng khí hiên ngang sắt đá.

Câu 5. “*Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại.*” Đó là ý nghĩa của nào?

- Ôn dịch, thuốc lá!
- Bài toán dân số.
- Thông tin về ngày trái đất năm 2000.
- Trong lòng mẹ

Câu 6. Trong văn bản “*Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*”, bao bì ni lông được coi là:

- Một loại rác thải công nghiệp
- Một loại chất gây độc hại
- Một loại rác thải sinh hoạt
- Một loại vật liệu kém chất lượng.

Câu 7. Câu nào sau đây có sử dụng trợ từ.

- Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn.
- Vâng! Ông giáo dạy phải.
- Tính ra cậu Vàng ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ!
- Cô tặng em, về trường mới nhớ cố gắng học tập nhé !

Câu 8. Quan hệ giữa các vế trong câu ghép sau là quan hệ gì? “*Dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp, người dân không được chủ quan dù đã tiêm đủ 02 mũi vaccine.*”

- Quan hệ nguyên nhân - kết quả
- Quan hệ điều kiện – kết quả
- Quan hệ lựa chọn
- Quan hệ tương phản

Câu 9. Dòng nào trong đoạn thơ sau đây có sử dụng phép tu từ nói quá?

*Hôm nay nhận được tin em
Không tin được dù đó là sự thật
Giặc giết em rồi quăng mắt xác
Chỉ vì em là du kích, em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người!*

(Quê hương, Giang Nam)

- Không tin được dù đó là sự thật*
- Giặc giết em rồi quăng mắt xác*
- Chỉ vì em là du kích, em ơi!*
- Đau xé lòng anh, chết nửa con người!*

Câu 10. Chức năng của tình thái từ in đậm trong ví dụ sau là: “*Con nín **đi!** Mẹ đã về với các*

- a. Tạo câu cảm thán / biểu thị thái độ động viên, an ủi một cách thân tình
- b. Tạo câu cầu khiến / biểu thị thái độ động viên, an ủi một cách thân tình
- c. Tạo câu nghi vấn / biểu thị thái độ động viên, an ủi một cách thân tình
- d. Biểu thị thái độ động viên, an ủi một cách thân tình

II. Làm văn: (5.0 điểm) :

Thuyết minh về đồ dùng cá nhân (mắt kính, găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm,...)

HẾT

